

TRƯỜNG THCS TÂN SƠN

TỔ TOÁN

NHÓM 7

BÀI TẬP TỰ LUYỆN CƠ BẢN

❖ PHẦN I: ĐẠI SỐ

Bài 1: Tính:

$$a, \sqrt{6^2+8^2} - 3\sqrt{25}.$$

$$b, -\frac{\sqrt{9}}{16} + \frac{5}{\sqrt{36}}.$$

$$c, \sqrt{16} \cdot \sqrt{4} - \sqrt{25} + 2\sqrt{49}.$$

$$d, \sqrt{3\frac{6}{25} + 2\frac{13}{25}}.$$

$$e, \sqrt{121} \cdot \sqrt{225} - \sqrt{81} - 3\sqrt{9}.$$

$$f, \frac{1}{\sqrt{36}} + \frac{\sqrt{25}}{6} - \sqrt{0,81}.$$

$$g, 2\sqrt{400} - 2\sqrt{100} + \sqrt{4^2+3^2}.$$

$$h, \sqrt{0,49} + \frac{3}{\sqrt{4}} - 6\sqrt{0,04}.$$

Bài 2: Thực hiện phép tính

$$a) 2,5 : \left(\frac{-5}{3}\right) - 7\frac{1}{2} \cdot \frac{3}{5}$$

$$b) \left(\frac{-5}{8}\right)^{10} \cdot \left(1\frac{3}{5}\right)^{10} + 216^0 : \left|\frac{-4}{5}\right|$$

$$c) \sqrt{\frac{9}{49}} + \left(\frac{-1}{2}\right)^3 - \left|-\frac{3}{7}\right| - \frac{7}{8}$$

$$d, 1,5 \cdot \left(1\frac{1}{3} - 2\right) - \frac{3}{4}$$

$$e) \left(\frac{-1}{2}\right)^2 - 1^{2020} + \frac{7}{3} : \left(\frac{-2}{9}\right)$$

$$f) 0,6 \cdot \sqrt{2\frac{3}{4} + 3\frac{1}{2}} - \left(\frac{1}{2}\right)^3$$

Bài 3: Tìm x, y, z biết

$$a, x : \frac{1}{3} = \frac{12}{99} : \frac{15}{90}.$$

$$b, \frac{0,25}{0,1 \cdot x} = \frac{1}{10}.$$

$$c, \frac{3}{2} = \frac{9}{|x|}.$$

$$d, \frac{x}{26} = \frac{-3}{6,5}.$$

$$e, \frac{x}{2} = \frac{y}{3} \text{ và } x - y = 9.$$

$$f, \frac{x}{2} = \frac{y}{3} = \frac{z}{4} \text{ và } x + y + z = 81$$

$$g, 7 - \left|\frac{2}{3} + x\right| = \sqrt{\frac{9}{4}}$$

$$h, 10 \cdot 3^x = 810$$

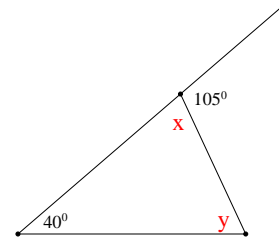
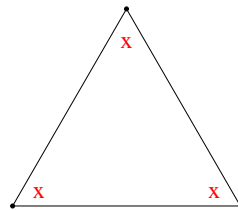
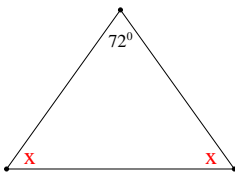
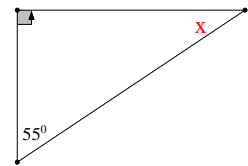
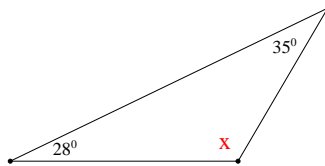
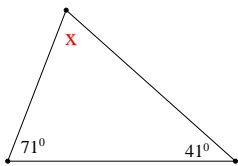
Bài 4:

a/ Trong phong trào thi đua hoa điểm tốt, số hoa đạt được của ba bạn Linh, Nga, Hương lần lượt tỉ lệ với 3;2;4. Tính số hoa điểm tốt của mỗi bạn, biết tổng số hoa 3 bạn là 72 bông.

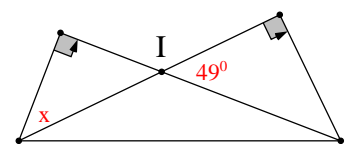
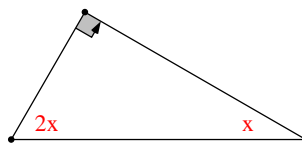
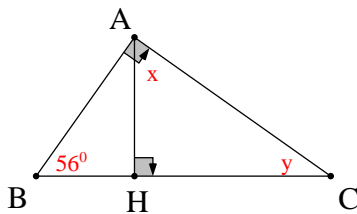
b/ Số học sinh ba khối 6, 7, 8 của một trường THCS theo thứ tự tỉ lệ với các số 41; 29; 30. Biết rằng tổng số học sinh khối 6 và khối 7 là 140 em. Tính số học sinh mỗi khối trường đó.

❖ PHẦN II: HÌNH HỌC

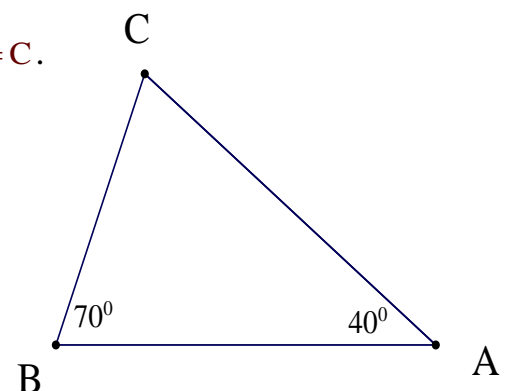
Bài 1: Tính số đo x, y trong các hình sau:



Bài 2: Tìm số đo x, y trong các hình sau:



Bài 3: Cho $\triangle ABC$, có $A = 40^\circ$, $B = 70^\circ$. Chứng minh $B = C$.



TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Kết quả của phép tính $\sqrt{16+9} - \sqrt{16} - \sqrt{9}$ là :

- A) -2 B) -1 C) 0 D) -3

Câu 2: Khi nói tới chiếc ti vi loại 40 inch ta hiểu rằng đường chéo màn hình của chiếc ti vi này dài 55 inch (1 inch \approx 2,54 cm). Vậy đường chéo của chiếc ti vi này dài khoảng bao nhiêu cm? (làm tròn đến hàng đơn vị)

- A. 139 cm. B. 140 cm. C. 142 cm. D. 139.8 cm.

Câu 3: Tập hợp Q bao gồm

- A. Số hữu tỉ dương và số 0. B. Số hữu tỉ âm và số hữu tỉ dương.
C. Số hữu tỉ âm, số 0 và số hữu tỉ dương. D. Số hữu tỉ âm và số 0.

Câu 4: Hãy tính $\sqrt{(-16)^2}$

- A. $\sqrt{(-16)^2} = -16$ B. $\sqrt{(-16)^2} = -4$
C. $\sqrt{(-16)^2} = 4$ D. $\sqrt{(-16)^2} = 16$

Câu 5: Nếu $\sqrt{x} = 3$ thì x^2 bằng:

- A. $x^2 = -81$ B. $x^2 = 9$ C. $x^2 = \sqrt{3}$ D. $x^2 = 81$

Câu 6: Phép tính nào dưới đây đúng:

- A. $\sqrt{100} = 10$ B. $-\sqrt{5} = \sqrt{-5}$ C. $\sqrt{-9} = -3$ D. $\sqrt{-9} = 3$

Câu 7: Phát biểu nào dưới đây sai?

- A. Số 19 là một số tự nhiên B. Số -2 là một số nguyên âm
C. Số $\frac{2}{7}$ là một số vô tỉ D. $\sqrt{2}$ là một số vô tỉ

Câu 8: Số nào dưới đây số vô tỉ?

- A. $\sqrt{144}$ B. 0, (121) C. 0, 0100100011... D. $\frac{-2}{3}$

Câu 9: Tập hợp số thực kí hiệu là

A. I B. Q

C. R D. N

Câu 10: Tập hợp số vô tỉ kí hiệu là

A. I B. Q

C. R D. N

Câu 11: Chọn câu đúng. Tổng ba góc trong một tam giác bằng.

A : 90^0

B: 180^0

C: 170^0

D: 80^0

Câu 12: Cho $\triangle ABC$ vuông tại A. Khi đó số đo $\hat{B} + \hat{C}$ bằng

A: 180^0

B: 60^0

C: 120^0

D: 90^0

Câu 13: Cho $\triangle ABC$ biết $A = 70^0, C = 65^0$. Tính số đo góc B là

A: 45^0

B: 65^0

C: 70^0

D: 135^0

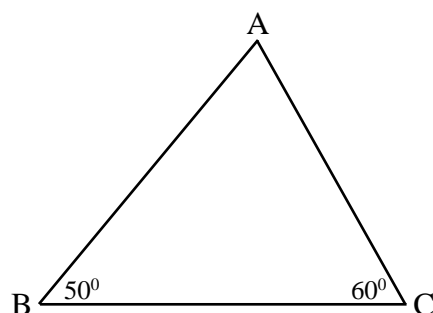
Câu 14: Cho $\triangle ABC$ như hình bên, số đo của góc A là?

A. 70^0

B. 60^0

C. 50^0

D. 180^0



-----HẾT-----

Câu 12: Cho $\triangle DEF$ như hình bên, hỏi $\triangle DEF$ là
loại tam giác nào? D